



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: [moitruongvec90@gmail.com/](mailto:moitruongvec90@gmail.com)
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01547/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI		
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Vị trí quan trắc:	KKXQ-001: Mẫu không khí khu vực phía Nam nhà máy		
Tọa độ:	X=2337684, Y=574692		
Loại mẫu:	Không khí xung quanh	Mã hóa mẫu: 250602.KKXQ-001	
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KKXQ-001	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	TCVN 7878-1:2018 và TCVN 7878-2:2018	dBA	61,2	70 ^a
2	Độ rung ^(*)	TCVN 6963:2001	dB	41,3	70 ^b

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;
- (b) QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Và Môi Trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251) có kết quả kèm theo.

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01548/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI		
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Vị trí quan trắc:	KKXQ-002: Mẫu không khí khu vực phía Bắc nhà máy		
Tọa độ:	X=2337756, Y=574602		
Loại mẫu:	Không khí xung quanh	Mã hóa mẫu: 250602.KKXQ-002	
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KKXQ-002	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	TCVN 7878-1:2018 và TCVN 7878-2:2018	dBA	56,9	70 ^a
2	Độ rung ^(*)	TCVN 6963:2001	dB	39,7	70 ^b

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;
- (b) QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Và Môi Trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251) có kết quả kèm theo.

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

GIÁM ĐỐC



Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01549/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI		
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Vị trí quan trắc:	KKXQ-003: Mẫu không khí khu vực phía Tây nhà máy		
Tọa độ:	X=2337711, Y=574590		
Loại mẫu:	Không khí xung quanh	Mã hóa mẫu: 250602.KKXQ-003	
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN
				KKXQ-003	05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	TCVN 7878-1:2018 và TCVN 7878-2:2018	dBA	57,1	70 ^a
2	Độ rung ^(*)	TCVN 6963:2001	dB	38,7	70 ^b

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;
- (b) QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Và Môi Trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251) có kết quả kèm theo.

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân



Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01550/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI		
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Vị trí quan trắc:	KKXQ-004: Mẫu không khí khu vực phía Đông nhà máy		
Tọa độ:	X=2337739, Y=574700		
Loại mẫu:	Không khí xung quanh	Mã hóa mẫu: 250602.KKXQ-004	
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KKXQ-004	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	TCVN 7878-1:2018 và TCVN 7878-2:2018	dBA	61,2	70 ^a
2	Độ rung ^(*)	TCVN 6963:2001	dB	40	70 ^b

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;
- (b) QCVN 27:2010 - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Và Môi Trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251) có kết quả kèm theo.

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân



Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01551/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI		
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Vị trí quan trắc:	KT1: Dòng khí thải số 01: tương ứng với dòng khí thải từ ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn phối trộn, san chiết		
Tọa độ:	X=2338055, Y=626584		
Loại mẫu:	Khí thải	Mã hóa mẫu:	250602.KT-003
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT-001	Giới hạn (Nồng độ Cmax)	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	17.714	-	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	<15(LOQ=15)	180	-
3	Cacbon oxit, CO	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<1,14(#)	900	-
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<2,62(#)	450	-
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<1,88(#)	765	-
6	n-Butyl axetat(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,1)	-	950
7	Cyclohexan(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,07)	-	1.300
8	Etylaxetat(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,1)	-	1.400
9	Fomaldehyt(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,3)	-	20
10	n-butanol(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,1)	-	360
11	Metanol(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,2)	-	260
12	Metylcyclohexan(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,07)	-	2.000
13	Toluen(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,15)	-	750
14	Xylen(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,15)	-	870

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ Cmax = C x Kp x Kv (trong đó Kp = 0,9 và Kv = 1,0);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);
- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);
- <(#): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Dấu (-): là không quy định;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công ty Cổ Phần Môi Trường Đại Nam (VIMCERTS 288) có kết quả kèm theo.

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01552/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI		
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Vị trí quan trắc:	KT2: Dòng khí thải số 02: tương ứng với dòng khí thải từ ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn sơn thử		
Tọa độ:	X=2338027, Y=626553		
Loại mẫu:	Khí thải	Mã hóa mẫu: 250602.KT-004	
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT-002	Giới hạn (Nồng độ Cmax)	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.834,1	-	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	<15(LOQ=15)	180	-
3	Cacbon oxit, CO	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<1,14(#)	900	-
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<2,62(#)	450	-
5	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<1,88(#)	765	-
6	n-Butyl axetat(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,1)	-	950
7	Cyclohexan(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,07)	-	1.300
8	Etylaxetat(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,1)	-	1.400
9	Fomaldehyt(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,3)	-	20
10	n-butanol(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,1)	-	360
11	Metanol(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,2)	-	260
12	Metylcyclohexan(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,07)	-	2.000
13	Toluen(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,15)	-	750
14	Xylen(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,15)	-	870

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ Cmax = C x Kp x Kv (trong đó Kp= 0,9 và Kv=1,0);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);
- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);
- <(#): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Dấu (-): là không quy định;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công ty Cổ Phần Môi Trường Đại Nam (VIMCERTS 288) có kết quả kèm theo.

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025



Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01553/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI	
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.	
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.	
Vị trí quan trắc:	KT3: Dòng khí thải số 03: tương ứng với dòng khí thải từ ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn khuấy trộn, đóng gói sản phẩm	
Tọa độ:	X=2338025, Y=626573	
Loại mẫu:	Khí thải	Mã hóa mẫu: 250602.KT-005
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025	
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT-003	Giới hạn (Nồng độ Cmax)	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	13.908	-	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	<15(LOQ=15)	180	-
3	Cacbon oxit, CO	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<1,14(#)	900	-
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<2,62(#)	450	-
5	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<1,88(#)	765	-
6	n-Butyl axetat ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,1)	-	950
7	Cyclohexan ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,07)	-	1.300
8	Etylaxetat ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,1)	-	1.400
9	Fomaldehyt ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,3)	-	20
10	n-butanol ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,1)	-	360
11	Metanol ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,2)	-	260
12	Metylcyclohexan ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,07)	-	2.000
13	Toluen ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,15)	-	750
14	Xylen ^(*)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	PH(MDL=0,15)	-	870

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ Cmax = C x Kp x Kv (trong đó Kp = 0,9 và Kv = 1,0);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);
- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- <(#): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Dấu (-): là không quy định;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công ty Cổ Phần Môi Trường Đại Nam (VIMCERTS 288) có kết quả kèm theo.

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01545/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI		
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Vị trí quan trắc:	NT1. Nước thải trước hệ thống xử lý công suất 5m3/ngày.đêm		
Tọa độ:	X=2337742, Y=574590		
Loại mẫu:	Nước thải	Mã hóa mẫu:	250602.NT-001
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Quế Võ II
				NT-001	Giá trị giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	SOP/VEC/QT/N.02	m ³ /h	0,15	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	5,65	5,5 ÷ 9
3	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	48,1	50
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	128	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	40,5	100
6	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	3,2	-
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	27,58	10
8	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	72,1	40
9	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	6,48	6
10	Tổng coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	8.400	5.000

Ghi chú:

- Tiêu chuẩn KCN Quế Võ II: Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Quế Võ II: Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của trạm XLNTTT KCN Quế Võ II;
- Dấu (-): là không quy định.

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH
Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 01546/2025/PKQ/25.454)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM MUSASHI PAINT- CHI NHÁNH HÀ NỘI		
Địa chỉ:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô VI-3.2, Đường N1-Đường D, KCN Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.		
Vị trí quan trắc:	NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5m3/ngày đêm		
Tọa độ:	X=2337734, Y=574589		
Loại mẫu:	Nước thải	Mã hóa mẫu:	250602.NT-002
Ngày lấy mẫu:	02/06/2025		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Quế Võ II
				NT-002	Giá trị giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	SOP/VEC/QT/N.02	m ³ /h	0,15	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,38	5,5 ÷ 9
3	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	37,2	50
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	80	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	37	100
6	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	3,6	-
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	6,55	10
8	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	25	40
9	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	5,55	6
10	Tổng coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	4.100	5.000

Ghi chú:

- Tiêu chuẩn KCN Quế Võ II; Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Quế Võ II; Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của trạm XLNTTT KCN Quế Võ II;
- Dấu (-): là không quy định.

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.